

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Sỹ T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng L, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại 3/47 Nguyễn Lương Bằng, phường HKB,

quận L, Tp. Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống gia đình chồng và chồng không hề tôn trọng tôi, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn có lúc anh T còn đánh tôi. Tôi đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Trần Sỹ T nhưng với điều kiện là gia đình chồng anh T phải biết và chồng tôi phải xin lỗi tôi về mọi việc đối xử với tôi trong thời gian chung sống và đền bù tinh thần và thể xác trong thời gian chung sống là 02 năm.

-Về con chung, nợ chung: Chúng tôi không có con chung

- Về tài sản chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị C không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của ông T và bà C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về con chung, nợ chung: ông T và bà C xác nhận không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: ông T và bà C không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 18.5.2020 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn bà Trần Thị C, nhưng bà Trần Thị C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Trần Thị C.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng L, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại 3/47 Nguyễn Lương Bằng, phường HKB, quận L, Tp. Đà Nẵng. Theo ông Trần Sỹ T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bà C xúc phạm ông T và gia đình ông T, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ năm 2018 đến nay mặc dù sống trong gia đình nhưng không ai quan tâm đến ai, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà C.

Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị C, trong quá trình giải quyết bà C vẫn thừa nhận cuộc sống hôn nhân của bà và ông T cũng có mâu thuẫn do ông T và gia đình ông T không hề tôn trọng bà, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ông T luôn đứng về phía gia đình ông T có lúc còn đánh bà C nữa, bà C đồng ý ly hôn với ông T với điều kiện là ông T và gia đình ông T phải xin lỗi bà C về việc đối xử không đúng với bà trong suốt hai năm qua và bà yêu cầu ông T phải đền bù tổn thất tinh thần cho bà trong hai năm qua.

Theo đơn xác minh tại UBND phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà C đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi vã với nhau, hiện nay bà C đã không còn sống tại nhà ông T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà C đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung, nợ chung:** ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C xác nhận không có

- **Về tài sản chung:** ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trần Sỹ T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Sỹ T đối với bà Trần Thị C.

Tuyên xử: ông Trần Sỹ T, sinh năm 1960, được ly hôn với bà Trần Thị C, sinh năm 1976.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54 của UBND xã Hưng L, huyện Hưng N, tỉnh Nghệ An cấp ngày 24.11.2017 không còn giá trị pháp lý.

2. **Về con chung và nợ chung:** ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C khai nhận không có

3. Về tài sản chung: ông Trần Sỹ T và bà Trần Thị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Trần Sỹ T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số **0004144** ngày 26.12.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND x Hưng Lĩnh, h Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy